MỘT ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI SAU NĂM 2015

LÊ VINH QUỐC*, NHỮ THỊ PHƯƠNG LAN**

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày một đường lối để xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam sau năm 2015. Theo đường lối này, trước hết cần giải quyết những vấn đề chung, bao gồm triết lí giáo dục, tách bạch chức năng của chương trình học với sách giáo khoa, đổi mới tư duy về giáo dục phổ thông. Tiếp đó là xác định 4 yếu tố cơ bản để xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới cho bậc tiểu học và hai cấp trung học, xây dựng chương trình trung học phổ thông phân ban và xây dựng chương trình từng môn học trong chương trình trung học phổ thông phân ban đó.

Từ khóa: giáo dục phổ thông, triết lí giáo dục, chương trình phân ban, chương trình tự chọn, đổi mới tư duy.

ABSTRACT

A way for new curriculum development of common education in Vietnam after 2015

This article presents a way for new curriculum development of elementary and secondary schools in Vietnam after 2015. In accordance with this way, some general matters, such as the philosophy of education, separating the functions of curriculum and text books, and innovating the opinion about common education must be solved first. Then, the four basic elements for new curriculum development of elementary, middle and high schools need to be defined. The curriculum for divisional high schools and subject curricula for divisional high schools need to be constructed at the same time.

Keyword: common education, philosophy of education, divisional curriculum, elective curriculum, innovative thinking.

1. Đặt vấn đề

Trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục nước nhà, việc xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông mới (dự kiến áp dụng sau năm 2015) là một nhiệm vụ chủ yếu và hết sức quan trọng.

Cuộc Cải cách giáo dục lần thứ 3 (từ năm học 1980-1981) đã tạo ra một chương trình giáo dục nặng nề, quá tải mà rất kém hiệu lực [9, tr.121-150]. Cuộc Đổi mới giáo dục cuối thế kỉ XX (từ năm 1991) chỉ thay đổi hệ thống tổ chức nhà trường mà vẫn giữ nguyên chương trình học cũ [9, tr.125-132]. Cuộc Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đầu thế kỉ XXI (2001-2009) đã đưa ra một chương trình học về thực chất không mấy khác biệt so với chương trình cũ với những nhược điểm như xưa, nên rất kém hiệu lực đang được áp dụng cho đến nay. Thành quả duy nhất mà các cuộc đổi mới cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI đạt được là hệ thống nhà trường phổ thông

* TS, nguyên GV chính Trường Đại học Sư phạm TPHCM
** ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

12 năm chia thành hai cấp là Tiểu học (5 năm) và Trung học với hai bậc là Trung học cơ sở (THCS) (4 năm) và Trung học phổ thông (THPT) (3 năm) [9, tr.150-175].

Dựa trên hệ thống nhà trường như vậy, chương trình giáo dục phổ thông mới sau năm 2015 phải được xây dựng theo một đường lối nhất quán dựa trên cơ sở lí luận của khoa học giáo dục hiện đại về nghiên cứu chương trình học (curriculum study) và phát triển chương trình học (curriculum development). Cơ sở lí luận này đã được trình bày kĩ trong cuốn "Đổi mới dạy học theo khoa học giáo dục hiện đại (lí thuyết và ứng dụng)" của Lê Vinh Quốc, do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2011. [9]

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Mấy vấn đề chung cho việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới

2.1.1. Cần xác định triết lí giáo dục mới

Mọi chương trình giáo dục phải được khởi đầu từ việc xác định triết lí chung cho nền giáo dục đó. Nước ta tiến hành cuộc đổi mới từ năm 1986 bằng việc thay thế cơ chế quan liêu bao cấp bằng cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền giáo dục đã không theo kịp sự đổi mới của đất nước, nên chưa xác định được triết lí giáo dục mới đáp ứng mọi nhu cầu của đất nước trong thời kì mới. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự thất bại của các cuộc cải cách và đổi mới vừa qua. Giờ đây, để xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới, việc đầu tiên là phải xác định triết lí giáo dục mới cho nó. Triết lí này cần xuất phát từ quan điểm nổi tiếng của John Dewey: "*Giáo dục chính là bản thân cuộc sống*" [8]; phải đáp ứng được tiêu chí phát triển của đất nước hiện nay là *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*"; đồng thời chiếu theo 4 trụ cột của sứ mệnh giáo dục quốc tế cho thế kỉ XXI là *"Học để biết (learning to know), học để làm (learning to do), học để cùng chung sống (learning to live together) và học để sinh tồn (learning to be)"* [7]. Theo đó, triết lí này cần thể hiện quan điểm "*dạy và học những gì mà xã hội cần, không phải những gì mà người thầy có*" [9].

Các triết lí trên sẽ tạo nên 4 thuộc tính của nền giáo dục Việt Nam là: "*thực học, dân chủ, dân tộc và khai phóng*". "*Thực học"* đối với các nước tiên tiến từ lâu đã trở thành lẽ đương nhiên không cần đề xướng. Nhưng đối với Việt Nam, nơi mà truyền thống học để thi đỗ làm quan cùng với tệ nạn dạy học giả để đạt những giá trị giả mà lấy bằng cấp thật vẫn đang ngự trị xã hội, thì việc nhấn mạnh thuộc tính này là rất cần thiết. Thuộc tính này chính là "4 trụ cột" mà UNESCO đã khẳng định. "*Dân chủ*" cũng là một thuộc tính cần nhấn mạnh để vạch rõ một nền giáo dục nhằm mục tiêu phục vụ cuộc sống của nhân dân, bao gồm cá nhân, gia đình và xã hội. Với ý nghĩa đó, dân chủ đồng thời mang tính chất nhân bản, nó đòi hỏi việc quản lí điều hành giáo dục phải được thực hiện bằng cơ chế dân chủ-khoa học thay cho cơ chế quan liêu-bao cấp hiện hành. "*Dân tộc*" luôn luôn là thuộc tính không thể thiếu của giáo dục. Bởi vì, trong một thế giới mà sự hội nhập quốc tế đã trở

thành động lực đương nhiên của sự phát triển, thì việc bảo vệ chủ quyền và bản sắc dân tộc trở nên vô cùng quan trọng. Do đó, nền giáo dục quốc dân phải giữ vững truyền thống và thấm nhuần bản sắc dân tộc, để tạo nên một giá trị cơ bản của dân tộc cho các thế hệ tương lai của đất nước. "*Khai phóng*" là một thuộc tính hết sức cần thiết đối với giáo dục nước ta xét trên cả bình diện đối nội và đối ngoại. Ở trong nước, thuộc tính này đòi hỏi tầm nhìn cởi mở phóng khoáng đối với mọi ý tưởng hay phát minh sáng chế, tránh sự ràng buộc hay áp đặt của những tư tưởng bảo thủ lỗi thời; còn đối với bên ngoài, "khai phóng" có nghĩa là mở rộng hội nhập quốc tế, tiếp thu khoa học hiện đại để áp dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Nói chung, đó là *triết lí của một nền giáo dục dân chủ*.

2.1.2. Phải tách bạch chương trình học với sách giáo khoa (SGK) và xóa bỏ cơ chế quan liêu - bao cấp trong quản lí điều hành giáo dục

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những sự thất bại trước đây của các cuộc cải cách và đổi mới giáo dục nói chung, cũng như của việc đổi mới chương trình học nói riêng; nhưng nguyên nhân chủ yếu có ý nghĩa then chốt nằm ở cơ chế quản lí điều hành nặng tính chất quan liêu bao cấp chưa được tháo gỡ.

Đối với chương trình học, cơ chế này được thể hiện qua sự độc quyền học vấn bằng nguyên tắc "một chương trình, một bộ sách giáo khoa thống nhất", dẫn tới sự lẫn lộn về chức năng của chương trình học với chức năng của SGK, và được vận hành bằng quan điểm chỉ đạo "SGK là pháp lệnh". Chính cái cơ chế dẫn đến nguyên tắc và quan điểm đó đã trói buộc hoạt động dạy học trong nhà trường vào bộ SGK, biến chương trình học thành đề cương biên soạn sách, biến giáo viên thành công cụ thuyết minh các cuốn sách, dẫn đến lối dạy học "đọc-chép" trong nhà trường, làm cho học sinh phải học thuộc lòng những vỏ kiến thức rỗng.

Khoa học giáo dục hiện đại phân biệt rất rõ ràng chức năng của chương trình học với chức năng của SGK. Chương trình học là văn bản pháp lí (mà ta vẫn gọi là "pháp lệnh") buộc giáo viên phải tuân thủ; còn SGK, mặc dù được biên soạn dựa trên chương trình, chỉ là công cụ để giáo viên và học sinh sử dụng trong quá trình dạy học. Vì vậy, ở các nước tiên tiến, cơ quan quản lí giáo dục chỉ nghiên cứu và biên soạn chương trình học để cấp cho giáo viên thực hiện; còn việc biên soạn SGK thì dành cho tất cả những ai có năng lực. Khi thiết kế bài học (tức là soạn giáo án), giáo viên có quyền lựa chọn SGK thích hợp với mình, hoặc viết và dùng sách của chính mình. Từ khi có mạng internet, trên thế giới đã xuất hiện khuynh hướng dạy học không cần SGK.

Thực trạng giáo dục Việt Nam đã chỉ ra rằng: phải tách bạch chức năng của chương trình học với chức năng của SGK, dứt khoát từ bỏ nguyên tắc "một chương trình - một bộ SGK thống nhất" để chuyển sang áp dụng nguyên tắc "một chương trình - nhiều bộ SGK", thay quan điểm "sách giáo khoa là pháp lệnh" bằng quan điểm "chương trình học là pháp lệnh". Mọi hoạt động dạy học, thi cử, thanh tra giáo dục… đều dựa trên chương

trình học chứ không chiếu theo SGK.

Đối với việc quản lí điều hành giáo dục nói chung, cơ chế quan liêu bao cấp vẫn đang tồn tại chính là nguyên nhân tạo nên sự giả dối trong giáo dục, kìm hãm sự chủ động và sáng tạo trong nhà trường và tước mất quyền làm chủ của nhà giáo trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Vì vậy, cơ chế này cần được xóa bỏ để thay thế bằng cơ chế quản lí dân chủ - khoa học. Theo đó, cần bãi bỏ những mệnh lệnh hành chính với những chỉ tiêu chủ quan áp đặt từ trên xuống, đưa thi đua vào đúng thực chất của việc dạy tốt học tốt với chất lượng thực sự, trả lại vai trò chủ thể giáo dục cho các trường ở cơ sở, mà nhân vật quan trọng nhất là các nhà giáo.

2.1.3. Cần đổi mới tư duy về giáo dục phổ thông

Cho đến nay, các cơ quan hữu trách về giáo dục ở nước ta vẫn quan niệm rằng giáo dục phổ thông chỉ có chức năng giảng dạy về văn hóa và khoa học cơ bản cho học sinh. Từ quan niệm này, người ta ra sức nhồi nhét kiến thức "hàn lâm" vào tất cả các môn học trong tất cả các cấp lớp ở trường, với chủ đích là để học sinh học lên đại học và trở thành các nhà chuyên môn học thuật. Do đó, khi tiến hành phân ban ở bậc THPT, những người xây dựng chương trình cũng chỉ biết phân biệt 2 ban theo 2 loại hình khoa học cơ bản: khoa học tự nhiên (Toán, Lí, Hóa, Sinh) và khoa học xã hội - nhân văn (Văn, Sử, Địa, Ngoại ngữ). Sự phân ban như thế dĩ nhiên thất bại để phải quay trở lại với chương trình đồng nhất, kiểu chương trình học mà thế giới đã loại bỏ từ lâu đối với bậc THPT.

Ở các nước tiên tiến, đã từ lâu giáo dục phổ thông không chỉ là giảng dạy văn hóa và khoa học cơ bản, mà còn có chức năng dạy nghề và định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Vì vậy, hầu hết kiến thức được dạy ở nhà trường đều gắn với giá trị ứng dụng vào đời sống, trong đó bậc THPT thực hiện các chương trình phân ban theo nghề nghiệp (như ở Pháp) hoặc tự chọn (như ở Mĩ), có nơi phân ban ngay từ bậc THCS (như ở Đức). Nhờ đó, sau khi tốt nghiệp THPT, học sinh có thể ra đời kiếm sống bằng nghề nghiệp đã được đào tạo ở nhà trường trung học, hoặc học lên đại học tùy theo hoàn cảnh và điều kiện của mình.

Bên cạnh đó, một quan niệm sai lầm về vị trí của việc dạy nghề đã làm cho các trường nghề của Việt Nam trở thành một bộ phận chơi vơi, không gắn với giáo dục đại học - cao đẳng mà cũng không thuộc về giáo dục phổ thông. Vì thế, khi vào học các trường này, học sinh bị đóng chặt vào số phận "suốt đời làm thợ" mà không nhìn thấy con đường vươn lên các trình độ học vấn cao hơn. Trong khi đó ở nước ngoài, dù học nghề ở trường trung học hay đại học, dù ra đời kiếm sống hay tiếp tục học lên, con đường phía trước luôn rộng mở cho người học.

Thực trạng trên cho thấy: muốn xây dựng thành công chương trình giáo dục phổ thông mới sau 2015, các chuyên gia hữu trách phải đổi mới tư duy: giáo dục phổ thông không chỉ có chức năng dạy chữ - dạy người mà bao gồm cả hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh.

2.2. Bốn yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục phổ thông mới

Khoa học giáo dục hiện đại đã chỉ ra rằng: mọi chương trình học và quá trình dạy học đều bao gồm 4 yếu tố cơ bản là mục tiêu (objective), nội dung chuyên môn (subject matter), phương pháp - tổ chức (method and organization) và đánh giá (evaluation). Các yếu tố cơ bản này có quan hệ tương tác với nhau để hợp thành một hệ thống, nên mọi sự đổi mới chương trình học hay việc dạy học đều phải được tiến hành đồng bộ với cả 4 yếu tố đó [9, tr.84-119]. Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, các yếu tố cơ bản này phải được xem xét kĩ lưỡng và trình bày một cách chính xác theo những nguyên tắc khoa học.

2.2.1. Mục tiêu giáo dục - chuẩn cần đạt

Mục tiêu giáo dục là sự tuyên bố về những kết quả dự kiến sẽ đạt đối với người học theo 3 lĩnh vực học vấn là nhận thức, kĩ năng và thái độ-tình cảm. Vì vậy, *mục tiêu* còn được gọi là *chuẩn cần đạt* về kiến thức, kĩ năng và thái độ-tình cảm. Mục tiêu giáo dục thường được trình bày theo 3 cấp độ từ cao (khái quát) xuống thấp (cụ thể) là: 1) tôn chỉ (aim) là loại mục tiêu định hướng; 2) mục đích (goal) là loại mục tiêu sứ mệnh; và 3) mục tiêu (objective) là loại mục tiêu ứng xử. Về hình thức, chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố năm 2006) đã phát biểu đầy đủ 3 cấp độ của mục tiêu giáo dục trên cả 3 lĩnh vực (nhận thức, kĩ năng, thái độ tình cảm). Tuy nhiên, các mục tiêu đó chưa được định hướng bằng một triết lí giáo dục rõ ràng, mối liên hệ giữa 3 cấp độ với nhau chưa chặt chẽ và thiếu nhất quán; riêng mục tiêu ở cấp độ 3 viết chưa đúng theo quy tắc khoa học về loại "mục tiêu ứng xử". Vì vậy, các mục tiêu đó chưa phát huy được hiệu lực của chúng để định hướng cho 3 yếu tố cơ bản khác trong chương trình. Thiếu sót lớn nhất là không có mục tiêu riêng cho từng ban trong chương trình phân ban THPT. Một chương trình phân ban dùng chung mục tiêu với chương trình đồng nhất sẽ được thiết kế bất hợp lí và dĩ nhiên phá sản.

Để xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới sau năm 2015, các chuyên gia hữu trách sẽ phải chiếu theo triết lí giáo dục mà mình đã đề xuất để xem xét kĩ lưỡng các mục tiêu (tức chuẩn cần đạt) của chương trình hiện hành, chỉ ra những sự thiếu sót và bất cập của chúng, để từ đó viết mục tiêu mới cho chương trình giáo dục phổ thông mới.

2.2.2. Nội dung chuyên môn

Nội dung chuyên môn là những kiến thức, kĩ năng và thái độ - tình cảm được lựa chọn trong kho tàng học vấn của nhân loại để đưa vào chương trình giáo dục, nhằm đáp ứng những mục tiêu đã đề ra của chương trình đó.

Lựa chọn nội dung chuyên môn theo mục tiêu giáo dục là công việc rất lớn và rất phức tạp, đòi hỏi sự uyên bác và chuyên sâu của người xây dựng chương trình học. Có thể hình dung việc này được thực hiện theo một lộ trình như sau:

- Bước 1: Nhìn tổng quát toàn bộ quá trình giáo dục 12 năm để xác định các môn học được đưa vào chương trình giảng dạy theo từng cấp bậc, từ Tiểu học qua THCS đến THPT. Các vấn đề về vị trí và vai trò của các môn học cùng thời lượng dành cho chúng, về mối tương

quan giữa các bộ môn, về phân ban giáo dục cùng việc tích hợp các môn học cần được giải quyết thỏa đáng. Vấn đề tích hợp kiến thức các môn học đã được nói nhiều ở nước ta, nhưng chưa thực hiện được bao nhiêu; nên chương trình mới phải giải quyết vấn đề này với sự tham chiếu kinh nghiệm của nước ngoài. Chương trình trung học của Pháp thường tích hợp các môn học từng đôi một, như "Sử-Địa" hoặc "Hóa-Sinh"; còn chương trình Mĩ thì tích hợp Lịch sử với Công dân giáo dục thành bộ môn "Tìm hiểu xã hội" (social study), ba môn Lí-Hóa-Sinh thành bộ môn "Khoa học" (science). Một vấn đề trọng tâm phải giải quyết là chương trình phân ban ở bậc THPT (sẽ trình bày kĩ ở phần dưới).

- Bước 2: Dựa trên các ý tưởng và dữ liệu đã được hoạch định trong bước 1 để xây dựng Kế hoạch giáo dục tổng quát. Bản kế hoạch này phải thể hiện rõ ràng các môn học của từng cấp lớp, mối quan hệ (hay sự tích hợp) giữa các môn đó, thời lượng của từng bộ môn; đặc biệt lưu ý sự khác biệt giữa các ban trong chương trình THPT.
- Bước 3: Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục tổng quát đã xác lập, chuyên gia của các môn học tiến hành thiết kế chương trình học của bộ môn (subject). Chương trình này cũng phải thể hiện đầy đủ 4 yếu tố cơ bản là mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá.

2.2.3. Phương pháp - tổ chức

Đây là yếu tố thuộc về cách thức, kiểu mẫu hay chiến lược của quá trình dạy học để phục vụ cho nội dung và đáp ứng mục tiêu của quá trình đó. Yếu tố này được thể hiện qua các loại hình dạy học (dạy học cá thể hóa, dạy học hợp tác, dạy học theo trình độ, phát triển khả năng và kĩ năng tư duy, dạy học vi tính hóa, dạy học lấy học sinh làm trung tâm…). Phục vụ cho các loại hình trên có 3 loại phương pháp dạy học chính (còn gọi là 3 chiến lược dạy học) dựa trên cách tiếp cận của giáo viên với học sinh: các phương pháp tiếp cận trực tiếp (giảng bài, phát vấn, thực hành và luyện tập), tiếp cận gián tiếp (dạy học dựa trên vấn đề, phát hiện và khám phá, dạy học theo nhóm, dạy học qua hành động…) và tiếp cận độc lập (tự học tại trung tâm học liệu, làm việc độc lập theo giao ước, tự học bằng máy tính…). Các phương pháp thuộc chiến lược tiếp cận gián tiếp và tiếp cận độc lập chính là đặc trưng cho việc đổi mới dạy học ở nhà trường. Các loại hình dạy học, chiến lược tiếp cận và phương pháp cụ thể đó cần được thể hiện rõ trong chương trình giáo dục mới để định hướng cho giáo viên áp dụng vào việc dạy học theo khoa học giáo dục hiện đại.

2.2.4. Đánh giá

Đánh giá là sự xác định hay phán xét những giá trị đạt được theo các mục tiêu đã đề ra. Đánh giá bao gồm nhiều loại hình khác nhau: chương trình đánh giá toàn diện, đánh giá chương trình học, đánh giá học tập của học sinh (thành quả học tập, khả năng thực hiện, xếp hạng…). Đánh giá thành quả học tập của học sinh bao gồm những hoạt động mà nhà trường Việt Nam thường gọi là "thi" và "kiểm tra".

Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới sau 2015, yếu tố đánh giá cần được quy định cụ thể và rõ ràng để giáo

viên chiếu theo đó mà thực hiện trong quá trình dạy học của mình; đồng thời để các cấp quản lí giáo dục căn cứ vào đó mà thanh tra, kiểm tra việc dạy học của giáo viên hay ra đề thi tốt nghiệp hoặc tuyển sinh. Khi các công cụ đánh giá mới được quy định trong chương trình thì các cách thi và kiểm tra cũ (kiểm tra miệng, viết 15 phút, viết 1 tiết…) sẽ phải đổi mới theo; đặc biệt là những đề kiểm tra "thuộc bài" sẽ bị loại bỏ để thay thế bằng các công cụ đo lường - đánh giá trình độ nhận thức, kĩ năng và thái độ - tình cảm của học sinh.

2.3. Xây dựng một chương trình trung học phổ thông phân ban mới

Trong chương trình giáo dục phổ thông, chương trình học của bậc THPT bao giờ cũng có một vị trí đặc biệt, vì đó là sự kết tinh thành quả của cả quá trình giáo dục 12 năm, đồng thời mở ra một giai đoạn phát triển mới với nhiều con đường vào đời của học sinh. Vậy, chương trình THPT mới sẽ được xây dựng như thế nào để khắc phục những nhược điểm và bất cập của chương trình hiện hành, để đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của xã hội nói chung và của ngành giáo dục nói riêng?

2.3.1. Ba loại chương trình học hiện hành

Cho đến nay, trong hệ thống giáo dục phổ thông quốc tế đã và đang tồn tại 3 loại chương trình học chủ yếu cho bậc cuối trung học là chương trình đồng nhất, chương trình phân ban và chương trình tự chọn [9, tr.176-180].

Chương trình đồng nhất là loại chương trình học cổ điển nhất, theo đó tất cả học sinh cùng học các môn học với những chủ đề, dung lượng, thời lượng và tiến độ thực hiện như nhau để đạt mục tiêu đào tạo duy nhất. Đó là loại chương trình áp đặt, buộc mọi học sinh phải thực hiện mà không có bất cứ một sự lựa chọn nào. Loại chương trình học này hình thành ở nước ta từ cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (năm 1950) với hệ thống nhà trường 9 năm ở vùng tự do trong kháng chiến chống Pháp, được hoàn chỉnh từ cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai (năm 1956) với hệ thống trường phổ thông 10 năm ở miền Bắc; và tiếp tục được áp dụng trong cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba (từ 1980 trở về sau) với hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm áp dụng trên toàn quốc.

Chương trình học phân ban (divisional curriculum) được hình thành từ cuối thế kỉ XIX ở các nước công nghiệp tiên tiến châu Âu. Đó là loại chương trình học có sự phân biệt về chủ đề, dung lượng, thời lượng và tiến độ môn học để đạt đến một số mục tiêu khác nhau. Chương trình học này cho phép học sinh lựa chọn những ban học theo sở trường và nguyện vọng nghề nghiệp của mình. Chương trình phân ban đã du nhập vào nước ta dưới thời Pháp thuộc với hai ban là Tú tài Triết và Tú tài Toán.

Chương trình học tự chọn (elective curriculum) được áp dụng ở Mĩ từ đầu thế kỉ XX rồi phổ biến tới một số nước khác. Chương trình học này không phân ban, mà toàn bộ học vấn của các bộ môn được cấu tạo thành những modul, để học sinh tự chọn cho những tín chỉ (credit) thích hợp với sở trường và nguyện vọng của mình. Với những môn học và chủ đề hết sức đa dạng sẵn có, học sinh hoàn

toàn chủ động trong việc thiết kế chương trình học cho chính mình, đáp ứng nguyện vọng học lên đại học hoặc ra đời hành nghề rồi sẽ lại học lên. Ở các nước tiên tiến, chương trình học đồng nhất chỉ được áp dụng cho những bậc học thấp (Tiểu học hay THCS), còn ở bậc học cao (THPT) không nước nào dùng chương trình đồng nhất nữa, mà áp dụng chương trình tự chọn (như ở Mĩ) hay chương trình phân ban (như ở Pháp).

2.3.2. Lựa chọn loại chương trình học phân ban cho bậc THPT

Chương trình học đồng nhất áp đặt cho mọi đối tượng được áp dụng ở nước ta cho đến cuộc cải cách giáo dục lần thứ 3. Khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, loại chương trình học này nhanh chóng bộc lộ những nhược điểm, buộc Bộ Giáo dục và Đào tạo phải chuyển sang thực hiện chương trình phân ban. Thất bại trong chương trình thí điểm với 3 ban A-B-C trong cuộc đổi mới giáo dục cuối thế kỉ XX, Bộ cho thực hiện chương trình mới chỉ với 2 ban A (Toán, Lí, Hóa, Sinh) và C (Văn, Sử, Địa, Ngoại ngữ) trong cuộc Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đầu thế kỉ XXI. Lại thất bại với chương trình phân ban này, Bộ phải biến nó thành "chương trình phân hóa" mà thực chất là quay trở lại với chương trình đồng nhất với tất cả những khuyết tật và sự bất cập của nó.

Vậy, chương trình học THPT mới sẽ phát triển theo hướng nào? Để thay thế chương trình đồng nhất chỉ có hai hướng phát triển: chương trình tự chọn hoặc chương trình phân ban.

Chương trình học tự chọn là loại chương trình tiên tiến nhất với hiệu lực rất tốt. Nhưng việc thực hiện loại chương trình này yêu cầu một nguồn tài chính rất lớn với những điều kiện rất cao về chuyên môn nghiệp vụ và quản lí điều hành. Cùng với một quỹ học vấn hết sức phong phú và đa dạng, nó đòi hỏi những cơ sở vật chất đồ sộ với những phòng học chuyên dùng và trung tâm học liệu. Bên cạnh đó là những quy trình và nguyên tắc quản lí mới lạ bao gồm một đội ngũ cố vấn học tập (councellor) tinh thông nghiệp vụ. Những điều kiện đó là quá cao xa rất khó đáp ứng trong hoàn cảnh hiện nay của Việt Nam.

Vì vậy, một chương trình học phân ban mới theo quy chuẩn quốc tế sẽ là định hướng thích hợp cho việc phát triển chương trình THPT ở nước ta (tức là phân ban ở các lớp 10-11-12). Phân ban là một loại chương trình học (chứ không phải là "hình thức tổ chức dạy học"), và là kiểu chương trình học tiên tiến được áp dụng rộng rãi (chứ không phải là "lỗi thời").

2.3.3. Phương hướng xây dựng chương trình THPT phân ban mới

Các chương trình phân ban trong những cuộc đổi mới trước đây ở nước ta đều thất bại, vì chúng chỉ được phân ban theo khoa học cơ bản, tức là chỉ nhằm mục tiêu đào tạo các nhà khoa học cơ bản, ít chú trọng đến các loại hình tư duy và không quan tâm đến định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Vì thế, chương trình học mới cần phân ban theo loại hình tư duy, phân loại nghề nghiệp và dạy nghề cho học sinh, tức là sẽ có nhiều ban với chương trình khác nhau để học sinh lựa chọn cho việc học lên đại học hay ra đời hành nghề ngay sau khi tốt nghiệp THPT.

Có thể lấy chương trình Tú tài phân ban của Pháp làm một thí dụ. Chương trình đó bao gồm 3 khối chia thành 10 ban: 1) Khối Tú tài phổ thông (baccalaureat general) được chia làm 3 ban: Văn chương, Kinh tế - Xã hội, Khoa học tự nhiên; 2) Khối Tú tài công nghệ (baccalaureat technologique) chia làm 5 ban: Khoa học và kĩ thuật phòng thí nghiệm, Khoa học và kĩ thuật công nghiệp, Khoa học và kĩ thuật quản lí, Khoa học kĩ thuật về y tế - xã hội, Quản lí khách sạn; và Khối Tú tài nghề (baccalaureat professienel) bao gồm 2 ban là Khu vực sản xuất và Khu vực dịch vụ [10], [11]. Theo đó, 3 ban thuộc khối Tú tài phổ thông dành cho các học sinh có nguyện vọng học lên đại học để trở thành các nhà chuyên môn về khoa học cơ bản, 5 ban thuộc khối Tú tài công nghệ dành cho các em muốn học lên các trường đại học về các lĩnh vực công nghệ, còn 2 ban của khối Tú tài nghề sẽ đào tạo nghề cho những học sinh muốn ra đời làm việc ngay (rồi sẽ vào đại học thuộc chuyên ngành thích hợp khi có điều kiện).

Học tập chương trình phân ban Tú tài Pháp, đồng thời tiếp thu kinh nghiệm chương trình học tự chọn của Mĩ, chính quyền miền Nam Việt Nam trước 1975 đã cho áp dụng một chương trình phân ban ở bậc Trung học Đệ nhị cấp (gồm các lớp 10, 11, 12) bao gồm 8 ban: ban A (khoa học thực nghiệm), ban B (khoa học Toán), ban C (văn chương sinh ngữ), ban D (văn chương cổ ngữ), ban E (kinh tế gia đình), ban F (doanh thương), ban G (công kĩ nghệ) và ban H (canh nông) [6]. Khi ấy, Trường Đại học Sư phạm Kĩ thuật Thủ Đức đã được thành lập để đào tạo các giáo viên giảng dạy các ban công kĩ nghệ, canh nông, doanh thương và kinh tế gia đình trong chương trình phân ban Trung học đệ nhị cấp (trong khi Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đào tạo giáo viên các môn văn hóa và khoa học cơ bản).

Các chương trình học phân ban nói trên đáng được tham khảo để xây dựng chương trình học phân ban mới ở bậc THPT nước ta. Bên cạnh đó, chương trình học của các trường trung cấp nghề, nhất là chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Kĩ thuật Thủ Đức sẽ trở thành nguồn dữ liệu quý báu để xác định các ban trong Chương trình phân ban THPT mới.

2.4. Đổi mới chương trình một bộ môn trong Chương trình giáo dục phổ thông mới

Chương trình giáo dục phổ thông mới sau 2015 bao gồm chương trình học của tất cả các bộ môn được quy định trong đó. Vậy, chương trình mỗi bộ môn sẽ được phát triển như thế nào trong tổng thể Chương trình giáo dục phổ thông mới? Có thể lấy chương trình một bộ môn để minh họa cho vấn đề này: môn Lịch sử.

Chương trình bộ môn lịch sử hiện hành đã bộc lộ đầy đủ các nhược điểm cùng sự bất cập của nó: quá tải và cấu trúc bất hợp lí làm cho hiệu lực dạy học rất thấp. Vì vậy, chương trình học mới phải khắc phục được tất cả các nhược điểm đó để nâng cao hiệu lực và chất lượng dạy học bộ môn.

Để chương trình học mới của bộ môn lịch sử được xây dựng thành công,

cần tuân thủ một số định hướng sau đây.

2.4.1. Xác định đúng vai trò môn Lịch sử trong chương trình giáo dục phổ thông

Lịch sử luôn có vai trò hết sức quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông của mọi quốc gia. Ở các nước tiên tiến, Lịch sử thường là 1 trong 3 môn được dành nhiều thời gian dạy học nhất (hai môn kia là Quốc văn và Toán). Đối với 3 lớp cuối trung học, chương trình của Liên Xô trước đây và Liên bang Nga ngày nay dành cho Lịch sử 3-4-3 giờ/tuần (tương đương môn Nga văn và chỉ kém môn Toán); các chương trình của Mĩ thường dành cho Lịch sử 3-3,5 tín chỉ (tương đương thời gian dành cho Anh văn cũng như cho toán); chương trình tích hợp của Pháp dành cho Sử - Địa một thời lượng tương đương với Pháp văn hay Lí - Hóa. Trong khi đó, chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam xếp lịch sử vào nhóm được dành quỹ thời gian thấp nhất (chỉ bằng 1/3 thời lượng dành cho Toán hoặc Ngữ văn) [3], [4]. Với quỹ thời gian như vậy, Lịch sử đã trở thành "môn phụ" trong chương trình giáo dục phổ thông nói chung và chương trình THPT nói riêng. Sự hạn hẹp về quỹ thời gian đã chứng tỏ sai lầm trong việc xác định vai trò của bộ môn Lịch sử trong hệ thống các môn học của chương trình giáo dục phổ thông. Chính sai lầm này là một nguồn gốc dẫn đến sự quá tải của chương trình bộ môn Lịch sử: nhồi nhét quá nhiều nội dung kiến thức trong những khung thời gian quá hẹp. Muốn sửa chữa sai lầm này, cần xác định lại vai trò của bộ môn Lịch sử cho đúng tầm quan trọng của nó, để dành cho nó một quỹ thời gian xứng đáng hơn so với thời lượng trong chương trình hiện hành.

2.4.2. Xây dựng lại chương trình Lịch sử trong khuôn khổ chương trình THPT phân ban

Như ở phần trên đã chỉ rõ, chương trình giáo dục phổ thông mới phải được phân ban ở cấp THPT. Do đó, chương trình bộ môn Lịch sử phải được xây dựng trong khuôn khổ của chương trình THPT phân ban ấy. Trong một chương trình học phân ban, các môn học sẽ được phân loại thành những môn cơ bản (chung cho các ban), những môn cốt lõi (thường được gọi là những môn "trưởng"-major), những môn lựa chọn (thường được gọi là những môn "thứ"-minor). Sự phân biệt các loại môn học trong các ban được thể hiện bằng thời lượng giảng dạy, thời gian làm bài thi và hệ số tính điểm thi. Trong chương trình đó, Lịch sử luôn là môn cơ bản mà tất cả các ban đều phải học, nhưng có sự phân biệt về thời lượng giảng dạy đối với từng ban, trong đó các ban Văn chương và Kinh tế - xã hội (theo chương trình của Pháp, tương ứng với ban Khoa học xã hội - nhân văn của Việt Nam) có thời lượng nhiều nhất, các ban khác có thời lượng ít hơn và có thể tương đương nhau. Dù cho có sự khác biệt về thời lượng giảng dạy như vậy, tất cả các ban đều phải thi tốt nghiệp môn Lịch sử với những đề thi khác nhau về dung lượng kiến thức, thời gian làm bài và hệ số tính điểm.

Cũng xin lưu ý rằng dạng "đồng tâm phát triển" qua hai vòng xoáy trôn ốc (vòng một ở bậc THCS, vòng hai ở bậc THPT) của chương trình bộ môn Lịch sử hiện hành là hoàn toàn bất hợp lí cần phải bác bỏ. Thực tiễn hiện nay đòi hỏi

chương trình bộ môn Lịch sử phải được xây dựng theo đường thẳng như ở các nước tiên tiến trên thế giới. Chương trình này đặt trọng tâm ở cấp THCS là Lịch sử cổ - trung đại, còn trọng tâm ở cấp THPT là Lịch sử cận - hiện đại.

2.4.3. Đổi mới đồng bộ 4 yếu tố cơ bản trong chương trình học bộ môn

Để xây dựng được một chương trình học mới của bộ môn Lịch sử, thì phải đổi mới đồng bộ cả 4 yếu tố cơ bản (mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá) trong chương trình này so với chương trình hiện hành. Về mục tiêu, chương trình mới cần trình bày rõ và khu biệt lại các mục tiêu nhận thức, trình bày cụ thể hơn các mục tiêu về thái độ - tình cảm, đặc biệt chú trọng hơn nữa đến các mục tiêu về kĩ năng. Nội dung chương trình cần được lựa chọn lại để đáp ứng các mục tiêu đó, theo hướng cắt giảm bớt các chủ đề, giảm dung lượng và bề rộng của các kiến thức để tăng thêm chiều sâu và quá trình hình thành kiến thức, đồng thời để tạo điều kiện về thời gian cho việc áp dụng các phương pháp dạy học mới. Về phương pháp, cần tăng cường các phương pháp luyện tập - thực hành, đặc biệt chú trọng các phương pháp dạy học hiện đại theo cách tiếp cận gián tiếp và tiếp cận độc lập [9, tr.51-65]. Về đánh giá, cần dứt khoát loại bỏ loại đề thi chỉ yêu cầu học sinh thuộc bài, hạn chế những đề chỉ yêu cầu gợi nhớ, đưa vào áp dụng những công cụ đánh giá - đo lường hiện đại chiếu theo các trình độ ứng xử của mục tiêu giáo dục [9, tr.77-83].

Khi cả 4 yếu tố này được thể hiện đồng bộ, thì chương trình học mới sẽ bảo đảm được hiệu lực trong việc dạy học, nghĩa là chương trình học mới đã được xây dựng thành công.

3. Thay lời kết luận

Đổi mới giáo dục một cách căn bản và toàn diện là sự nghiệp vĩ đại quyết định vận mệnh tương lai của dân tộc, trong đó Chương trình giáo dục phổ thông mới sau năm 2015 là công trình quan trọng nhất. Để công trình này được thực hiện thành công, việc xây dựng chương trình phải được giao cho những chuyên gia về phát triển chương trình học (curriculum development) thực hiện theo các nguyên lí khoa học. Đồng thời, các cấp lãnh đạo ngành giáo dục cần thể hiện quyết tâm đổi mới tư duy về giáo dục phổ thông, từ bỏ những di sản của cơ chế quan liêu bao cấp trong quản lí điều hành giáo dục, chuyển sang thực hiện cơ chế dân chủ - khoa học, trao quyền chủ động sáng tạo cho giáo viên đứng lớp ở trường trong khôn khổ những quy định của chương trình học.

Sau khi hoàn thành, Chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ được trình bày trong một ấn phẩm để xuất bản và phát hành cho giáo viên thực hiện. Giáo viên sẽ căn cứ vào chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và mọi nguồn tư liệu hiện có (kể cả SGK hiện hành) để thiết kế bài học (course design) tức soạn giáo án bằng trình độ chuyên môn và khả năng sư phạm của chính mình. Việc biên soạn SGK tương thích với chương trình mới sẽ dành cho bất cứ nhà chuyên môn nào có khả năng thực hiện, và khi ấy đương nhiên sẽ có nhiều bộ SGK cho một bộ môn. Quyền lựa chọn SGK cho việc dạy học hoàn toàn thuộc về giáo viên và học sinh.

Với cơ chế quản lí dân chủ - khoa học được xác lập, một nền giáo dục trung thực với vai trò chủ động sáng tạo của giáo viên sẽ đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông – Những vấn đề chung* (ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05-05-2006), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục Phổ thông – chương trình Tiểu học* (ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05-05-2006), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục Phổ thông – Chương trình Trung học Cơ sở* (ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05-05-2006), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục Phổ thông – Chương trình trung học phổ thông* (ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05-05-2006), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục Phổ thông môn Lịch sử* (ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05-05-2006), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục (1972), *Chương trình trung học tổng hợp Đệ nhị cấp,* Sài Gòn.
7. Jacques Delors (1996), *Raport to UNESCO of the International Commision on Education for the twenty-first Century (Introduction*), UNESCO, New York.
8. John Dewey (1916), *Dân chủ và Giáo dục*, Phan Anh Tuấn dịch, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2008.
9. Lê Vinh Quốc (2011), *Đổi mới dạy học theo khoa học giáo dục hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
10. Ministère de I'education nationale de la jeunesse et des sports (1990), *Baccalauréat de l'enseignement du second degree (series A, B, C, D),* Centre national de documentation pédagogique, Paris.
11. *http://www.education.gouv.fr/cid52071/baccalaureat-2010.html# Les chiffres cles. Baccalaureat 2010, Dossier de presse-Luc Chatel 11/06/2010.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 17-10-2013; ngày phản biện đánh giá: 24-02-2014; ngày chấp nhận đăng: 17-6-2014)